

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2021/DS-ST.**

Ngày: 08-9-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Văn Tùng
Bà Lê Thị Thúy Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2021/QĐXXST-DS ngày 19/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1961 (*Có mặt*).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 (*Có mặt*).

Cùng địa chỉ: ấp Vĩnh P, xã Vĩnh Q, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Phan Thị N trình bày:**

Vào năm 2012 bà có cho bà T vay các lần cụ thể

Lần thứ nhất: ngày 29/10/2012 al cho bà T vay số tiền 1.500.000đ

Lần thứ hai, ngày 03/11/2012 cho bà T vay số tiền 7.000.000đ

Lần thứ 3, ngày 13/11/2012 cho bà T vay số tiền 3.000.000đ
(1.000.000đ + 2.000.000đ)

Lần thứ 4 năm 2016 cho bà T vay số tiền 20.500.000đ có sự chứng kiến của bà Lê Hồng N ở Vĩnh P, Vĩnh Q. Cả bốn lần vay tiền đều có làm giấy

do cháu bà viết cho bà T ký tên. Việc vay tiền không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 28/12/2020 bà có yêu cầu bà T trả lại số tiền trên nhưng bà T không trả.

Tại phiên tòa hôm nay bà yêu cầu bà T trả cho bà số tiền 32.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi và đồng ý cho bà T trả mỗi tháng 4.000.000đồng còn trả ít hơn bà không thống nhất

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Bà thống nhất với lời trình bày của bà N về số tiền thiếu của 03 lần đầu theo như đơn khởi kiện bà N trình bày. Số tiền thực tế thiếu có 10.000.000đồng nhưng bà N tính vốn lãi luôn ra số tiền là 32.000.000đồng, bà cũng đồng ý còn thiếu bà N số tiền này nên bà có đóng lãi cho bà N được vài tháng hết khả năng đóng, đất thì cũng đã bán và vay tiền ngân hàng để trả nợ cho bà N nhưng không trả nổi nên bà đi Vũng Tàu làm ăn. Nay theo yêu cầu của bà N bà cũng đồng ý trả số tiền 32.000.000đồng theo yêu cầu của bà N nhưng xin trả mỗi tháng 500.000đồng nhiều hơn nữa bà không có khả năng.

Theo các giấy nhận nợ bà N cung cấp thì bà không có ký tên vì bà không biết chữ.

Trước đây bà chỉ biết hỏi tiền của bà 6 Tr chứ không biết bà Phan Thị N là ai đến nay mới biết bà 6 Tr là bà Phan Thị N.

Tại phiên tòa hôm nay bà thừa nhận còn thiếu bà Phan Thị N số tiền 32.000.000đồng và yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi dứt nợ do hiện tại hoàn cảnh kinh tế của gia đình bà rất khó khăn.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà N cho rằng có cho bà T vay tiền nhiều lần đến nay còn nợ lại số tiền 32.000.000đồng nhưng bà T không trả nên bà yêu cầu trả số tiền này cho bà. Phía bị đơn bà T thừa nhận còn nợ bà N số tiền như bà N yêu cầu đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi vay phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ theo như thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Cho nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 468, 688 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đối với việc bà T yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng nhưng phía nguyên đơn không chấp nhận, vì vậy việc thỏa thuận trả nợ các bên có thể thương lượng ở giai đoạn thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Theo đơn kiện, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phan Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả số tiền nợ vay còn thiếu là 32.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi suất, để chứng minh cho yêu cầu của mình phía nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án các giấy vay tiền: *01 giấy nhận tiền đề ngày 3.11.2012; 01 giấy mượn tiền đề ngày 29.10.2012; 01 giấy vay tiền đề ngày 03/9/2016*. Còn bị đơn cho rằng các giấy tờ do bà N cung cấp thì bà không có ký tên do bà không biết chữ, tuy nhiên bà thừa nhận còn thiếu bà N số tiền 32.000.000đồng và yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi dứt số tiền này vì hiện nay hoàn cảnh gia đình bà khó khăn không có khả năng trả cho bà N. Xét việc thừa nhận nợ của bà T đối với bà N đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định phía bà T còn nợ bà N số tiền vay còn thiếu là 32.000.000đồng. Sau khi vay còn nợ số tiền này phía bị đơn đã không thực hiện đúng theo thỏa thuận trả nợ như vậy là bà T đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Cho nên, việc bà N yêu cầu bà T trả số tiền này là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[2] Đối yêu cầu tính lãi suất: Do bà N không yêu cầu lãi suất đối với số tiền bà T còn thiếu nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Đối với yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000đồng của số nợ nêu trên của bà Nguyễn Thị T, xét yêu cầu này phía nguyên đơn bà N không chấp nhận, cho nên việc thỏa thuận trả các bên có thể thương lượng ở giai đoạn thi hành án.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận như đã phân tích nêu trên.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Lẽ ra, bà Nguyễn Thị T phải chịu là 1.600.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng do bà T là người cao tuổi, thuộc diện hộ nghèo của địa phương và có yêu cầu miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà T được miễn án phí theo quy định.

Do bà N được miễn tạm ứng án phí nên không đặt ra vấn đề hoàn trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả lại số tiền nợ vay còn thiếu.

Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho bà Phan Thị N số tiền nợ vay còn thiếu là 32.000.000đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày bà N yêu cầu thi hành án, hàng tháng bà T còn phải trả lãi cho bà N theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí theo quy định

Do bà N được miễn tạm ứng án phí nên không đặt ra vấn đề hoàn trả.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh